

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML24B3
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lãnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2455202050602	Nguyễn Nhật	Anh	15/10/2008	6.1	6.3	4.4	5.9	5.1	5.4	Trung bình
02	2455202050603	Phan Trường	Anh	13/10/2009	2.0	2.7	2.1	1.3	0.0	0.9	Yếu
03	2455202050604	Phạm Lê	Bảo	08/11/2009	5.2	5.6	5.5	6.5	7.0	6.5	Trung bình
04	2455202050605	La Nguyên	Chương	17/10/2009	8.3	6.0	5.7	8.3	7.7	7.7	Khá
05	2455202050606	Thái Hoàng	Hải	24/11/2009	6.4	6.6	5.4	8.1	8.0	7.6	Khá
06	2455202050607	Phan Thanh	Hiệp	04/10/2009	5.0	5.5	5.0	6.1	5.0	5.5	Trung bình
07	2455202050610	Nguyễn Hoàng Nhứt	Huy	27/04/2009	7.6	8.2	5.9	7.8	8.8	7.9	Khá
08	2455202050611	Trần Nhĩ	Khang	05/02/2009	5.9	9.8	6.1	7.0	7.7	7.1	Khá
09	2455202050612	Phạm Anh	Khoa	14/06/2009	5.5	8.4	5.9	6.5	5.5	6.0	Trung bình
10	2455202050613	Ngô Thông	Khoán	01/10/2008	6.6	8.7	5.8	7.0	6.3	6.5	Trung bình
11	2455202050614	Quách Minh	Khôi	04/07/2009	5.4	9.0	4.7	5.6	5.1	5.3	Trung bình
12	2455202050615	Hồ Tuấn	Kiệt	30/07/2009	6.8	7.3	5.3	6.7	6.7	6.5	Trung bình
13	2455202050616	Trương Huỳnh Phú	Lộc	23/10/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
14	2455202050618	Nguyễn Lý Hiền	Lương	11/06/2008	7.3	6.8	4.9	3.6	0.0	2.4	Yếu
15	2455202050620	Trần Công	Minh	02/07/2009	7.0	6.6	5.2	8.4	6.9	7.3	Khá
16	2455202050621	Trần Quốc	Minh	10/05/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2455202050622	Đặng Khoa	Nam	09/06/2009	5.5	5.6	5.3	6.4	5.2	5.8	Trung bình
18	2455202050623	Lê Văn	Nghĩa	19/03/2009	7.2	5.7	5.2	8.0	6.5	7.0	Khá
19	2455202050624	Phạm Trần	Nghĩa	25/03/2009	7.3	6.0	6.1	8.0	7.9	7.7	Khá
20	2455202050625	Tào Hồng	Quý	02/02/2008	8.1	7.0	6.3	6.7	8.2	7.2	Khá
21	2455202050626	Bùi Thanh	Sang	09/05/2005	7.8	5.8	6.4	7.1	6.1	6.6	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2455202050627	Lê Nguyễn Hoàng	Sĩ	02/06/2009	5.9	7.4	5.4	7.8	7.1	7.2	Khá
23	2455202050628	Lê Văn	Thắng	17/09/2009	5.9	7.3	5.9	7.4	7.7	7.3	Khá
24	2455202050629	Nguyễn Minh	Thắng	07/04/2009	5.2	7.3	5.4	7.3	5.0	6.1	Trung bình
25	2455202050630	Hàng Niệm	Thiên	14/05/2008	6.8	7.5	5.5	9.1	9.0	8.5	Giỏi
26	2455202050631	Thiều Quang	Thiện	09/07/2009	7.2	8.1	6.6	8.9	6.5	7.6	Khá
27	2455202050632	Lê Trường	Thịnh	15/10/2009	7.0	8.2	5.8	6.1	0.0	3.7	Yếu
28	2455202050633	Thái Minh	Thông	19/04/2009	7.8	9.1	7.1	7.7	8.2	7.8	Khá
29	2455202050634	Nguyễn Minh	Tiến	05/08/2009	7.2	6.2	6.0	7.1	5.1	6.2	Trung bình
30	2455202050635	Nguyễn Mai Tiến	Toàn	07/06/2009	6.5	7.1	5.4	7.9	5.1	6.4	Trung bình
31	2455202050636	Đặng Hàng Minh	Triết	12/09/2008	5.4	6.1	6.2	6.8	5.7	6.3	Trung bình
32	2455202050637	Phạm Minh	Triết	05/06/2009	2.0	3.2	2.3	0.4	0.0	0.5	Yếu
33	2455202050638	Nguyễn Hoàng	Việt	01/03/2009	2.1	3.8	2.2	0.5	0.0	0.6	Yếu
34	2455202050639	Huỳnh Lê Tuấn	Vũ	27/08/2009	7.2	7.5	5.8	6.8	6.0	6.3	Trung bình

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 28 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái